

**DANH SÁCH NHÂN SỰ ĐƯA VÀO QUY HOẠCH CÁN BỘ QUẢN LÝ  
KHOA CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ NĂM 2018 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

(Danh sách được sắp xếp theo thứ tự tỷ lệ biểu quyết của tập thể Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường từ cao xuống thấp đối với từng chức danh)

| TT                                           | Họ tên                 | Ngày/tháng/<br>năm sinh | Ngày vào<br>đăng         | Chức vụ hiện<br>tại        | Ngạch          | Trình độ<br>chuyên môn           | Trình<br>độ lý<br>luận<br>chính<br>trị | Trình độ<br>tin học     | Trình<br>độ<br>ngoại<br>ngữ | Xếp loại ĐG<br>viên chức |                     | CSTĐ CS             |                     | Tỷ lệ phiếu tín nhiệm |                               |                  | Ghi chú |
|----------------------------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------|----------------------------------|----------------------------------------|-------------------------|-----------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|-----------------------|-------------------------------|------------------|---------|
|                                              |                        |                         |                          |                            |                |                                  |                                        |                         |                             | NH<br>2016-<br>2017      | NH<br>2017-<br>2018 | NH<br>2016-<br>2017 | NH<br>2017-<br>2018 | Tập thể<br>đơn vị     | Đại diện<br>cấp ủy và<br>CBCC | Đảng ủy<br>+ BGH |         |
| (1)                                          | (2)                    | (3)                     | (4)                      | (5)                        | (6)            | (7)                              | (8)                                    | (9)                     | (10)                        | (11)                     | (12)                | (13)                | (14)                | (15)                  | (16)                          | (17)             | (18)    |
| <b>CHỨC DANH: TRƯỞNG KHOA</b>                |                        |                         |                          |                            |                |                                  |                                        |                         |                             |                          |                     |                     |                     |                       |                               |                  |         |
| 01                                           | Vũ Đức Pháp            | 26/09/1978              |                          | Trưởng BM<br>K. CN Cơ khí  | V.07.01.<br>03 | Thạc sĩ<br>Kỹ thuật cơ<br>khí    | Sơ cấp                                 | Tin học<br>văn<br>phòng | Trình<br>độ B1              | Tốt                      | Tốt                 | -                   | -                   | 83,33%                | 100,00%                       | 100,00%          |         |
| 02                                           | Trần Đình Khải         | 26/07/1968              |                          | Phó TK<br>K. CN Cơ khí     | V.07.01.<br>03 | Thạc sĩ<br>Cơ khí nông<br>nghiệp |                                        | -                       | Trình<br>độ B1              | Tốt                      | Tốt                 | -                   | -                   | 95,83%                | 83,33%                        | 100,00%          |         |
| <b>CHỨC DANH: PHÓ TRƯỞNG KHOA</b>            |                        |                         |                          |                            |                |                                  |                                        |                         |                             |                          |                     |                     |                     |                       |                               |                  |         |
| 01                                           | Vũ Đức Pháp            | 26/09/1978              |                          | Trưởng BM<br>K. CN Cơ khí  | V.07.01.<br>03 | Thạc sĩ<br>Kỹ thuật cơ<br>khí    | Sơ cấp                                 | Tin học<br>văn<br>phòng | Trình<br>độ B1              | Tốt                      | Tốt                 | -                   | -                   | 91,67%                | 100,00%                       | 100,00%          |         |
| 02                                           | Bùi Anh Tuấn           | 02/11/1988              |                          | Trưởng BM<br>K. CN Cơ khí  | V.07.01.<br>03 | Thạc sĩ<br>Kỹ thuật cơ<br>khí    | Sơ cấp                                 | -                       | Trình<br>độ B1              | Xuất<br>sắc              | Tốt                 | -                   | -                   | 83,33%                | 100,00%                       | 100,00%          |         |
| 03                                           | Đỗ Thị Phương<br>Khanh | 22/04/1975              | 27/07/2007<br>27/07/2008 | Giảng viên<br>K. CN Cơ khí | V.07.01.<br>03 | Thạc sĩ<br>Kỹ thuật cơ<br>khí    | Sơ cấp                                 | Trình độ<br>B           | Đại<br>học                  | Xuất<br>sắc              | Xuất<br>sắc         | -                   | CSTĐ<br>CS          | 79,17%                | 100,00%                       | 100,00%          |         |
| <b>CHỨC DANH: TRƯỞNG BỘ MÔN CƠ SỞ CƠ KHÍ</b> |                        |                         |                          |                            |                |                                  |                                        |                         |                             |                          |                     |                     |                     |                       |                               |                  |         |
| 01                                           | Trần Minh<br>Thông     | 23/11/1987              |                          | Giảng viên<br>K. CN Cơ khí | V.07.01.<br>03 | Đại học<br>Kỹ thuật chế<br>tạo   |                                        | -                       | -                           | Tốt                      | Tốt                 | -                   | -                   | 91,67%                | 100,00%                       | 100,00%          |         |
| 02                                           | Dương Thị<br>Hồng      | 06/01/1989              |                          | Giảng viên<br>K. CN Cơ khí | V.07.01.<br>03 | Thạc sĩ<br>Kỹ thuật cơ<br>khí    | Sơ cấp                                 | Trình độ<br>A           | Trình<br>độ A2              | Tốt                      | Tốt                 | -                   | -                   | 91,67%                | 83,33%                        | 100,00%          |         |

| TT                                                   | Họ tên                 | Ngày/tháng/năm sinh | Ngày vào đảng            | Chức vụ hiện tại        | Ngạch      | Trình độ chuyên môn        | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ | Xếp loại ĐG viên chức |              | CSTĐ CS      |              | Tỷ lệ phiếu tín nhiệm |                         |               | Ghi chú |
|------------------------------------------------------|------------------------|---------------------|--------------------------|-------------------------|------------|----------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|-----------------------|--------------|--------------|--------------|-----------------------|-------------------------|---------------|---------|
|                                                      |                        |                     |                          |                         |            |                            |                            |                  |                    | NH 2016-2017          | NH 2017-2018 | NH 2016-2017 | NH 2017-2018 | Tập thể đơn vị        | Đại diện cấp ủy và CBCC | Đảng ủy + BGH |         |
| 03                                                   | Lư Thị Yến Vũ          | 19/05/1976          |                          | Giảng viên K. CN Cơ khí | V.07.01.03 | Đại học Cơ khí chế tạo máy |                            | -                | -                  | Tốt                   | Tốt          | -            | -            | 75,00%                | 66,67%                  | 100,00%       |         |
| <b>CHỨC DANH: TRƯỞNG BỘ MÔN CƠ ĐIỆN - CƠ ĐIỆN TỬ</b> |                        |                     |                          |                         |            |                            |                            |                  |                    |                       |              |              |              |                       |                         |               |         |
| 01                                                   | Đỗ Thị Phương Khanh    | 22/04/1975          | 27/07/2007<br>27/07/2008 | Giảng viên K. CN Cơ khí | V.07.01.03 | Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí    | Sơ cấp                     | Trình độ B       | Đại học            | Xuất sắc              | Xuất sắc     | -            | CSTĐ CS      | 95,83%                | 100,00%                 | 100,00%       |         |
| 02                                                   | Trần Minh Thông        | 23/11/1987          |                          | Giảng viên K. CN Cơ khí | V.07.01.03 | Đại học Kỹ thuật chế tạo   |                            | -                | -                  | Tốt                   | Tốt          | -            | -            | 83,33%                | 100,00%                 | 100,00%       |         |
| 03                                                   | Nguyễn Ngọc Quỳnh (CK) | 19/11/1983          |                          | Giảng viên K. CN Cơ khí | V.07.01.03 | Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí    |                            | Trình độ A       | Trình độ B1        | Tốt                   | Tốt          | -            | -            | 75,00%                | 66,67%                  | 100,00%       |         |
| <b>CHỨC DANH: TRƯỞNG BỘ MÔN CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO</b>    |                        |                     |                          |                         |            |                            |                            |                  |                    |                       |              |              |              |                       |                         |               |         |
| 01                                                   | Nguyễn Thành Long      | 19/07/1975          |                          | Giảng viên K. CN Cơ khí | V.07.01.03 | Thạc sĩ Kỹ thuật Cơ khí    |                            | -                | Trình độ B1        | Tốt                   | Tốt          | -            | -            | 79,17%                | 100,00%                 | 100,00%       |         |
| 02                                                   | Nguyễn Tiến Dũng       | 01/01/1973          |                          | Giảng viên K. CN Cơ khí | V.07.01.03 | Đại học Cơ khí chế tạo máy |                            | -                | Trình độ B         | Xuất sắc              | Tốt          | -            | -            | 70,83%                | 83,33%                  | 100,00%       |         |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2019

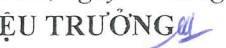
HIỆU TRƯỞNG *ly*

  
Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH CÁN BỘ - GIẢNG VIÊN KHOA CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ  
ĐƯỢC QUY HOẠCH CHỨC DANH QUẢN LÝ TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TRƯỜNG  
NĂM 2018 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

| TT  | Họ tên       | Ngày/tháng/năm sinh | Ngày vào đảng | Chức vụ hiện tại         | Ngạch      | Trình độ chuyên môn     | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ | Tỷ lệ phiếu tín nhiệm |                         |               | Chức danh quy hoạch                                 | Ghi chú               |
|-----|--------------|---------------------|---------------|--------------------------|------------|-------------------------|----------------------------|------------------|--------------------|-----------------------|-------------------------|---------------|-----------------------------------------------------|-----------------------|
|     |              |                     |               |                          |            |                         |                            |                  |                    | Tập thể đơn vị        | Đại diện cấp ủy và CBCC | Đảng ủy + BGH |                                                     |                       |
| (1) | (2)          | (3)                 | (4)           | (5)                      | (6)        | (7)                     | (8)                        | (9)              | (10)               | (11)                  | (12)                    | (13)          | (14)                                                | (15)                  |
| 01  | Bùi Anh Tuấn | 02/11/1988          |               | Trưởng BM khoa CN Cơ khí | V.07.01.03 | Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí | Sơ cấp                     |                  | Trình độ B1        | 100,00%               | 100,00%                 | 100,00%       | Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế     |                       |
|     |              |                     |               |                          |            |                         |                            |                  |                    |                       |                         | 100,00%       | Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế | Đảng ủy + BGH bổ sung |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG 



Phạm Hữu Lộc